



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN 03:2008/BTNMT

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ GIỚI HẠN CHO PHÉP CỦA KIM LOẠI NẶNG
TRONG ĐẤT**

*National technical regulation on the allowable limits of
heavy metals in the soils*

HÀ NỘI – 2008

QCVN 03:2008/BTNMT

Lời nói đầu

QCVN 03: 2008/BTNMT do Ban soạn thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất biên soạn, Vụ Môi trường và Vụ Pháp chế trình duyệt và được ban hành theo Quyết định số 04/2008/QĐ-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

VỀ GIỚI HẠN CHO PHÉP CỦA KIM LOẠI NẶNG TRONG ĐẤT

National technical regulation on the allowable limits of heavy metals in the soils

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định mức giới hạn hàm lượng tổng số của một số kim loại nặng: Asen (As), Cadimi (Cd), Đồng (Cu), Chì (Pb) và Kẽm (Zn) trong tầng đất mặt theo mục đích sử dụng đất.

Quy chuẩn này không áp dụng cho đất thuộc phạm vi các khu mỏ; các bãi tập trung [chất thải công nghiệp](#), đất rừng đặc dụng: vườn quốc gia; khu bảo tồn thiên nhiên; khu bảo vệ cảnh quan; khu rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học.

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước về [môi trường](#), mọi tổ chức, cá nhân liên quan đến việc sử dụng đất trên lãnh thổ Việt Nam.

1.3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chuẩn này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.3.1. *Đất nông nghiệp* bao gồm các loại đất thuộc nhóm đất nông nghiệp: đất trồng lúa, đất đồng cỏ dùng vào chăn nuôi, đất trồng cây hàng năm khác; đất trồng cây lâu năm; đất nuôi trồng thủy sản; đất làm muối; đất nông nghiệp khác theo quy định của Chính phủ. Đất nông nghiệp cũng bao gồm vùng đất là nơi sinh sống cho quần thể động vật bản địa và di trú, thảm thực vật bản địa.

1.3.2. *Đất lâm nghiệp* là đất rừng sản xuất trong nhóm đất nông nghiệp, vùng đất dùng cho phát triển và kinh doanh nghề lâm nghiệp, được sử dụng chủ yếu để trồng rừng và trồng các lâm sản khác. Đất lâm nghiệp quy định trong Quy chuẩn này không bao gồm các vùng đất tự nhiên, rừng đặc dụng.

1.3.3. *Đất dân sinh*: là vùng đất thuộc nhóm đất phi nông nghiệp, sử dụng chủ yếu làm khu dân cư, nơi vui chơi giải trí, các công viên, vùng đệm trong các khu dân cư.

1.3.4. *Đất thương mại* là vùng đất thuộc nhóm đất phi nông nghiệp, được sử dụng chủ yếu cho hoạt động thương mại, dịch vụ.

1.3.5. *Đất công nghiệp*: là vùng đất thuộc nhóm đất phi nông nghiệp, được sử dụng chủ yếu cho hoạt động công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

1.3.6. *Tầng đất mặt*: là lớp đất trên bề mặt, có thể sâu đến 30 cm.

2. QUY CHUẨN KỸ THUẬT

Giới hạn hàm lượng tổng số của một số kim loại nặng trong tầng đất mặt một số loại đất được quy định tại Bảng 1.

Bảng 1: Giới hạn hàm lượng tổng số của một số kim loại nặng trong một số loại đất.

Đơn vị tính: mg/kg đất khô

Thông số	Đất nông nghiệp	Đất lâm nghiệp	Đất dân sinh	Đất thương mại	Đất công nghiệp
1. Asen (As)	12	12	12	12	12
2. Cadimi (Cd)	2	2	5	5	10
3. Đồng (Cu)	50	70	70	100	100
4. Chì (Pb)	70	100	120	200	300
5. Kẽm (Zn)	200	200	200	300	300

3. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH

3.1. Lấy mẫu

Mẫu được lấy để xác định các chỉ tiêu kim loại nặng quy định tại Quy chuẩn này theo TCVN 4046 : 1985 – Đất trồng trọt – Phương pháp lấy mẫu và TCVN 5297 : 1995 – Chất lượng đất – Lấy mẫu – Yêu cầu chung.

3.2. Phương pháp phân tích

Các chỉ tiêu kim loại nặng quy định tại Quy chuẩn này được xác định theo các phương pháp sau:

- TCVN 6649:2000 (ISO 11466:1995) Chất lượng đất – Chiết các nguyên tố vết tan trong cường thủy.

- TCVN 6496:1999 (ISO 11047:1995) Chất lượng đất – Xác định Cadimi, Crom, Coban, Đồng, Chì, Kẽm, Mangan, Niken trong dịch chiết đất bằng cường thủy – Phương pháp phổ hấp thụ ngọn lửa và không ngọn lửa.

4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Cơ quan quản lý nhà nước về [môi trường](#) và mọi tổ chức, cá nhân có liên quan đến sử dụng đất theo mục đích khác nhau tuân thủ các quy định tại Quy chuẩn này.